

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS- PT

Ngày 27/3/2019.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Anh Văn.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Công, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/TLPT- DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số 24/2018/DSST, ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện GB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2019/QĐ- PT ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn CT, xã VN, huyện GB, tỉnh BN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hoàng Kim Th; Ông Nguyễn Thế H; Bà Nguyễn Thị T – Luật sư - Công ty luật TNHH một thành viên QTC, đoàn luật sư thành phố HN.

* Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã BD, huyện GB, tỉnh BN.

Người kháng cáo: Chị Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Ph trình bày: Ngày 26/6/2017 anh cho chị Lê Thị T vay 5.000 đô la Mỹ đến 26/6/2018 hai bên chốt nợ và viết lại giấy biên nhận nợ là chị T còn nợ anh 5.000 đô la Mỹ, giấy biên nhận do chị T viết và ký. Trước khi khởi kiện anh đã đòi chị T nhiều lần nhưng chị T không trả do vậy anh làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Nay anh đề nghị Tòa án buộc chị T phải trả anh 5000 đô la Mỹ. Anh không yêu cầu chị T trả lãi.

Anh không thỏa thuận về việc cho chị T hện trả nợ gốc dần sau hai năm kể từ ngày 26/6/2018. Sau khi chị T giao cho anh giấy biên nhận nợ, anh đọc và không đồng ý nên khoảng một ngày sau anh đến yêu cầu chị T viết lại, nhưng chị T không viết. Nội dung chị T viết hện trả nợ gốc dần sau hai năm kể từ ngày 26/6/2018 là do chị T tự viết vào giấy biên nhận, anh không đồng ý. Chữ viết ở cuối giấy biên nhận có nội dung “*Tôi không đồng ý hện trả gốc dần 02 năm - Nguyễn Văn Ph*” nội dung này do anh viết và ký.

Bị đơn chị Lê Thị T trình bày: Ngày 26/6/2018 tại nhà chị, chị có chốt nợ với anh Ph có giấy biên nhận nợ là chị còn nợ anh Ph 5.000 đô la Mỹ và 05 triệu đồng tiền Việt Nam. Trong giấy biên nhận có nội dung hện trả nợ gốc dần sau hai năm kể từ ngày 26/6/2018. Theo chị, anh Ph khởi kiện là chưa đủ điều kiện khởi kiện, làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự gia đình chị. Ngày 26/6/2018 tại nhà chị, chị và anh Ph đã thỏa thuận nhất trí không tính lãi và hện trả gốc dần, thời hạn trả gốc sau 02 năm kể từ ngày 26/6/2018.

Nếu sau hai năm chị không trả được nợ thì anh Ph mới có quyền khởi kiện. Chữ viết ở cuối giấy biên nhận có nội dung “*Tôi không đồng ý hện trả gốc dần 02 năm - Nguyễn Văn Ph*” nội dung này do ai viết và ký chị không biết. Khi chị thỏa thuận với anh Ph không có nội dung này.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng các điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị T và có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn Ph 5000 USD (đô la Mỹ) tương đương 116.375.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/11/2018, chị Lê Thị T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh Nguyễn Văn Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày khi hai bên chốt nợ anh đã nhận được 5 triệu đồng tiền lãi của khoản nợ 5.000 USD (đô la Mỹ), chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh **BN** tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy: Ngày 26/6/2018, giữa anh Nguyễn Văn Ph và chị Lê Thị T có chốt nợ số tiền 5000 đô la Mỹ mà chị T đã vay trước đó của anh Ph. Như vậy có thể khẳng định có việc vay nợ giữa anh Ph và chị T và bản thân chị T cũng thừa nhận điều này. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án buộc chị T phải trả anh Ph 5000 đô la Mỹ tương ứng với số tiền 116.375.000đ là có căn cứ.

Chị T kháng cáo cho rằng nguyên đơn là anh Ph khởi kiện chị là chưa đủ điều kiện khởi kiện và việc Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc chị trả anh Ph tiền là không đúng quy định của pháp luật. Bởi trong giấy vay tiền ngày 26/6/2018, chị và anh Ph thống nhất trả gốc sau hai năm kể từ ngày 26/6/2018. Như vậy, sau hai năm kể từ ngày 26/6/2018 nếu chị không trả tiền thì anh Ph mới có quyền khởi kiện chị. Tuy nhiên phía anh Ph cho rằng giữa anh và chị T không thỏa thuận về việc trả nợ như vậy. Việc ghi thời hạn sau hai năm kể từ ngày 26/6/2018 là do chị T tự viết và anh không đồng ý. Khi chị T viết anh yêu cầu chị T viết lại nhưng chị T không viết, do vậy, anh đã viết ở dưới tờ giấy vay tiền nội dung không đồng ý trả dần sau hai năm. Như vậy, có thể thấy rằng việc anh Ph khởi kiện chị T là hoàn toàn có cơ sở. Việc anh Ph khởi kiện là do anh đã đòi chị T nhiều lần xong chị không trả nên anh mới khởi kiện ra Tòa án. Việc chị T cho rằng vay không thời hạn phải báo trước cho chị một khoảng thời gian mới được khởi kiện. Việc báo trước cho chị T anh Ph đã thực hiện đầy đủ. Do vậy, anh hoàn toàn có quyền khởi kiện chị T theo quy định

của pháp luật. Từ những phân tích trên có thể thấy kháng cáo của chị T không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với số tiền lãi 5 triệu đồng của khoản nợ 5.000 USD (đô la Mỹ) mà anh Ph đã nhận của chị T là số tiền thu lời bất chính từ giao dịch dân sự bị vô hiệu, do vậy, cần truy thu số tiền 5 triệu đồng xung ngân sách nhà nước.

Theo quy định của Pháp lệnh ngoại hối thì cá nhân không có đăng ký kinh doanh về ngoại hối không được phép cho vay, nhưng anh Ph cho chị T vay ngoại hối điều này là vi phạm quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định của pháp luật. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên giao dịch dân sự giữa anh Ph và chị T là vô hiệu và hai bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên như vậy không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm, cần sửa một phần bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Kháng cáo của chị T không được chấp nhận, nhưng do bản án sơ thẩm bị sửa một phần nên theo quy định của pháp luật thì chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 239, 248, 249, 260, 261, 262, 264, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 131, 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PLUBTVQH11 ngày 13/12/2005 sửa đổi bổ sung năm 2013; Công văn số 81/2012/TANDTC ngày 10/6/2002 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Tuyên bố hợp đồng vay tài sản theo Giấy biên nhận ngày 26/6/2018 giữa anh Nguyễn Văn Ph và chị Lê Thị T là vô hiệu;

Buộc chị Lê Thị T có nghĩa vụ hoàn trả anh Nguyễn Văn Ph số tài sản là 5.000 USD có tỉ giá tương đương là 116.375.000VNĐ (Một trăm mười sáu triệu, ba trăm bảy năm ngàn đồng chẵn).

Truy thu của anh Nguyễn Văn Ph 5.000.000đ xung Ngân sách Nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân

sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 5.818.700đ án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001471 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GB, tỉnh BN. Chị Lê Thị T còn phải nộp số tiền án phí là 5.518.700đ.

Hoàn trả anh Nguyễn Văn Ph số tiền 2.937.500đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001431 ngày 04/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GB, tỉnh BN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện GB;
- Chi cục THADS huyện GB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Bình